

Bản án số: 14/2021/DS-ST

Ngày: 25-01-2021

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hằng Ni.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiền.

Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Nhanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 25 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý: 548/2020/TLST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 228/2020/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 158/2020/QĐST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1959 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 6, xã L, huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Tiến D, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Bà Ngô Thị Thu T, sinh năm 1980 (xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 14, xã L, huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn V trình bày: Vào ngày 17/01/2020 (23/12/2019 âm lịch) ông có cho vợ chồng bà Ngô Thị Thu T và ông Nguyễn Tiến D vay số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 1.000.000 đồng/30.000 đồng/1 tháng hẹn qua tết trả, có làm biên nhận, vợ chồng bà T ông D có ký tên. Khi cho vay vợ chồng bà T ông D có thể chấp cho ông bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số bìa AK 040954, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H03309/QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 23/7/2007 cho ông Nguyễn Tiến D. Qua Tết thì bà T ông D không có trả được vốn mà có đóng lãi cho ông đến tháng 3 âm lịch thì ngưng không trả lãi nữa. Đến tháng 4 âm lịch/2020 ông có yêu cầu vợ chồng bà T, ông D trả số vốn 50.000.000 đồng nhưng vợ chồng bà T ông D cứ hẹn mà không thực hiện. Nay ông yêu cầu ông Nguyễn Tiến D và bà Ngô Thị Thu T phải cùng liên đới trả số tiền vốn vay 50.000.000 đồng, trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Ông đồng ý trả

lại cho vợ chồng bà T ông D bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên ngay khi nhận đủ tiền.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Ngô Thị Thu T trình bày: Ông Nguyễn Tiến D là chồng bà. Vào ngày 17/01/2020 (23/12/2019 âm lịch) bà có vay của ông Nguyễn Văn V số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 1.000.000 đồng/30.000 đồng/1 tháng, thỏa thuận khi nào ông V cần thì bà sẽ lo trả. Lúc nhận tiền vay từ ông V bà và ông Nguyễn Tiến D có ký tên vào biên nhận giao cho ông V giữ và có thể chấp cho ông V bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số bìa AK 040954, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H03309/QSĐĐ do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 23/7/2007 cho ông Nguyễn Tiến D để làm tin. Từ khi vay bà có trả cho ông V được 05 tháng lãi. Nay bà đồng ý trả cho ông V số tiền vốn 50.000.000 đồng, nhưng do đang gặp khó khăn bà xin trả đủ số tiền trên vào ngày 14/12/2021 và yêu cầu ông V trả lại bằng phán đất ngay khi bà trả đủ tiền.

Bị đơn ông Nguyễn Tiến D vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến phản bác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn V yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Tiến D và bà Ngô Thị Thu T phải cùng liên đới trả số tiền vốn vay 50.000.000 đồng; các bị đơn có địa chỉ cư trú tại ấp 14, xã L, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 xác định đây là quan hệ tranh chấp dân sự “Hợp đồng vay tài sản” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Tiến D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để xét xử nhưng vắng mặt không lý do; còn bị đơn bà Ngô Thị Thu T có đơn xin vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn V yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Tiến D và bà Ngô Thị Thu T phải cùng liên đới trả số tiền vốn vay 50.000.000 đồng là có căn cứ. Bởi lẽ, bà Ngô Thị Thu T trình bày ông Nguyễn Tiến D là chồng bà, bà thừa nhận có vay của nguyên đơn 50.000.000 đồng và cũng đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền này. Mặt khác, ông Nguyễn Văn V và bà Ngô Thị Thu T thống nhất lúc nhận tiền vay từ ông Viên, bà Ngô Thị Thu T ông Nguyễn Tiến D có ký tên vào biên nhận giao cho ông V giữ, và có thể chấp cho ông V bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số bìa AK 040954, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H03309/QSĐĐ do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 23/7/2007 cho ông Nguyễn Tiến D. Riêng đối với bị đơn ông Nguyễn Tiến D đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp nhưng ông D không nộp bản tự khai; không

đưa ra tài liệu, chứng cứ phản đối yêu cầu của nguyên đơn và vắng mặt tại các phiên họp, phiên tòa là đã từ bỏ quyền lợi của mình. Đây là tình tiết mà nguyên đơn không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do vậy, buộc ông Nguyễn Tiến D và bà Ngô Thị Thu T phải cùng liên đới trả cho ông Nguyễn Văn V số tiền vay 50.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Đối với nguyên đơn ông Nguyễn Văn V, tại thời điểm nộp đơn khởi kiện, ông V đã 61 tuổi và có đơn xin miễn án phí. Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xét miễn cho ông V tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm nên không phải trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 463, Điều 466, khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V.

Buộc ông Nguyễn Tiến D và bà Ngô Thị Thu T phải cùng liên đới trả cho ông Nguyễn Văn V số tiền vay 50.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ông Nguyễn Văn V có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Tiến D và bà Ngô Thị Thu T bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số bìa AK 040954, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H03309/QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 23/7/2007 cho ông Nguyễn Tiến D ngay khi ông D và bà T trả xong khoản nợ.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Tiến D và bà Ngô Thị Thu T phải cùng liên đới chịu 2.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CC THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Hằng Ni